



Cam Ranh, ngày 23 tháng 04 năm 2015

BIÊN BẢN ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2015 CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Hôm nay, vào lúc 9 giờ ngày 23 tháng 04 năm 2015, tại Hội trường Trung tâm sinh hoạt Chính trị - Văn hóa TP Cam Ranh, số 2 Phạm Văn Đồng, TP Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 đã được tiến hành.

Nội dung Đại hội gồm những vấn đề sau :

I. THỦ TỤC VÀ NGHI THỨC KHAI MẠC :

1. Ông Võ Văn Vân, Thư ký Công Ty, Thay mặt Ban tổ chức Đại hội:

- Chào cờ, Tuyên bố lý do, giới thiệu khách mời
- Giới thiệu danh sách Ban kiểm tra tư cách Cổ đông
 1. Ông Nguyễn Văn Chảnh TP. Vật tư CCU Trưởng ban
 2. Ông Trần Nguyễn Huy Hùng PP.P KTTKTC Cty Thành viên
 3. Cô Vũ Lê Hoàng Mai CV P.KTTKTC Thành viên
 4. Cô Đinh Lê Đăng Trinh CV P.KTTKTC Thành viên

Đại hội đã biểu quyết thông qua danh sách nêu trên với tỷ lệ 100% .

2. Ông Nguyễn Văn Chảnh, Thay mặt Ban kiểm tra tư cách Cổ đông:

- Đọc biên bản kiểm tra tư cách cổ đông:
 - Số lượng cổ đông và người được uỷ quyền tham dự đại hội: 55 người
 - Tương ứng với số lượng cổ phần sở hữu và được uỷ quyền là: 277.149.735 cổ phần, chiếm 87,17% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Đủ điều kiện để tiến hành Đại hội theo quy định của Pháp luật hiện hành và điều lệ Công ty.

3. Ông Võ Văn Vân, Thư ký Công Ty, Thay mặt Ban tổ chức Đại hội:

- Giới thiệu danh sách Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký và Ban Kiểm phiếu Đại hội, cụ thể là:

Đoàn Chủ tịch:

1. Ông Trần Việt Thắng
2. Ông Nguyễn Ngọc Anh
3. Ông Nguyễn Tuấn Anh
4. Ông Cái Hồng Thu
5. Ông Phạm Đình Nhật Cường
6. Ông Phạm Văn Thông
7. Ông Nguyễn Văn Chuyên

Ban Thư ký Đại hội:

1. Ông Võ Văn Vân	Thư ký CTy	Trưởng ban
2. Bà Trần Thị Bích Thủy	P TP.TCHC	Thành viên

Ban Kiểm Phiếu Đại hội:

1. Ông Đoàn Trần Minh Phương	TP.P.CNTT VPC	Trưởng ban
2. Ông Cao Quang Hanh	TP.P.CNTT NMXMBP	Thành viên
3. Ông Phan Trọng Hiếu	CV P.CNTT	Thành viên
4. Cô Trần Thị Diễm Hương	CV P.TCHC	Thành viên

Đại hội biểu quyết 100% nhất trí thông qua danh sách nhân sự trên.

4. Ông Phạm Đình Nhật Cường, thay mặt Đoàn Chủ tọa:

- Giới thiệu Thể thức biểu quyết và Quy chế làm việc tại đại hội (Chi tiết theo Tài liệu họp Đại hội).

Đại hội đã biểu quyết thông qua Thể thức biểu quyết và Quy chế làm việc tại đại hội với tỷ lệ 100%.

5. Ông Trần Việt Thắng, Chủ tọa Đoàn:

- Giới thiệu Chương trình Đại hội

Đại hội đã biểu quyết thông qua Chương trình Đại hội với tỷ lệ 100%.

II. NỘI DUNG ĐẠI HỘI**1. Ông Trần Việt Thắng, Chủ tọa Đoàn:**

- Phát biểu khai mạc Đại hội.
- Trình bày Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2014.

2. Ông Nguyễn Tuấn Anh, thay mặt Đoàn Chủ tọa:

- Trình bày Báo cáo hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư năm 2014 (Chi tiết theo Tài liệu họp Đại hội)

a/ Sản lượng tiêu thụ

TT	Chỉ danh	Đvt	Năm 2014			+,- so với năm 2013	
			Thực hiện	NQDHCD	% TH	Sản lượng	%
	Tổng sản phẩm xi măng + clinker tiêu thụ	Tấn	5,348,652	5,700,000	93.8%	147,533	2.8%
1	Xi măng	Tấn	4,886,568	4,900,000	99.7%	521,889	12.0%
2	Clinker	Tấn	462,085	800,000	57.8%	(374,355)	-44.8%

b/ Sản lượng sản xuất

TT	Chỉ danh	Đvt	Năm 2014			+,- so với năm 2013	
			Thực hiện	NQDHCD	% TH	Sản lượng	%
	Tổng sản phẩm xi măng + clinker sản xuất		8,352,114	9,140,000	91.4%	158,391	1.9%
1	Xi măng bột	Tấn	4,898,082	4,940,000	99.2%	522,742	11.9%
2	Clinker	Tấn	3,453,912	4,200,000	82.2%	(364,471)	-9.5%

c/ Các khoản đầu tư lớn:

- Năm 2014, Vicem Hà Tiên tiếp tục thực hiện công tác quyết toán các dự án đã đưa vào hoạt động gồm Dự án Nhà máy xi măng Bình Phước, Dự án Trạm nghiền và phân phối xi măng phía Nam, Dự án Dây chuyền xi măng Hà Tiên 2.2 và các công trình xây dựng khác. Đồng thời triển khai thực hiện đầu tư một số dự án, công trình có thời gian thu hồi vốn dưới 01 năm và có tính chất quan trọng trong việc tận dụng nguồn nhiệt thừa, phế phẩm nông nghiệp để tái tạo năng lượng thay thế một phần than, điện, dầu đất đỏ, ngày càng khan hiếm, công trình hợp lý hóa sản xuất.
- Song song đó, Vicem Hà Tiên cũng tiếp tục thực hiện các dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, cải tạo cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh và một số công trình có tính chất hỗ trợ, nâng cao năng lực quản trị hệ thống như Dự án hệ thống báo cáo quản trị Business Intelligence và thực hiện khảo sát phân hệ kế toán và mua hàng (FIN & PO), tiếp tục cải tiến, hoàn thiện các phần mềm đã đưa vào ứng dụng cho phù hợp với nhu cầu vận hành thực tế.

d/ Tình hình thực hiện công tác quản lý và kinh doanh bất động sản

- Triển khai thực hiện với đơn vị tư vấn CBRE khảo sát thị trường và lập phương án kinh doanh đối với hai khu đất Nhà khách 172 Lý Chính Thắng và Văn phòng 21 Công Lý;
- Hoàn tất thủ tục xin miễn giảm tiền thuê đất năm 2012, 2013, 2014 cho các khu đất thuộc Công ty quản lý;
- Hoàn tất cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các khu đất, chứng nhận tài sản gắn liền với đất cho khu đất Trạm nghiền Long An, công tác đo vẽ hiện trạng vị trí các khu đất phục vụ nhu cầu cấp đổi Giấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

e/ Tình hình tài chính

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2013
1 Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,45	0,40
- Hệ số thanh toán nhanh	0,20	0,16
2 Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,71	0,76
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,41	3,11
3 Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
- Vòng quay hàng tồn kho	5,51	5,04
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,53	0,48
4 Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	4,51%	0,10%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	8,82%	0,25%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	2,36%	0,05%

- Năm 2014, Vicem Hà Tiên thực hiện tốt hoạt động cải thiện tình hình tài chính, đặc biệt là chỉ tiêu tỷ lệ nợ/vốn chủ sở hữu được cải thiện phù hợp nguyên tắc quản lý tài chính và các quy định hiện hành về công tác quản lý nợ, làm tăng tính an toàn tài chính và tận dụng cộng

hưởng từ chính sách lãi suất và tỷ giá của Ngân hàng nhà nước, góp phần gia tăng hiệu quả hoạt động của Công ty trong năm vượt bậc.

Về một số kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2014			TH năm 2013	+,- so với năm 2013	
			NQDH	TH	% TH		Giá trị	%
1	Doanh thu thuần	Tỷ.đ	7.019,50	6.758,10	96,3%	6.368,80	389,3	6,1%
2	EBITDA	Tỷ.đ	1.619,20	1.453,30	89,8%	1.611,90	-158,6	-9,8%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đ	21	395,70	1884,2%	10,5	385,195	3668,5%
4	EBITDA/DT thuần	%	23,10%	21,50%	93,1%	25,30%	-3,80%	-15,0%

► Trình bày Mục tiêu sản xuất, kinh doanh, Ngân sách hoạt động và Đầu tư năm 2015, (Chi tiết theo Tài liệu họp Đại hội)

a) Sản lượng tiêu thụ

TT	Chỉ danh	Đvt	Sản lượng
1	Tiêu thụ xi măng	Tấn	5.300.000
	<i>Trong nước</i>	<i>Tấn</i>	<i>5.000.000</i>
	<i>Xuất khẩu</i>	<i>Tấn</i>	<i>300.000</i>
3	Tiêu thụ clinker	Tấn	500.000
4	Cát tiêu chuẩn	Kg	170.000
5	Gạch	Viên	3.000.000
6	Vữa	Tấn	10.000

b) Sản lượng sản xuất

TT	Chỉ danh	Đvt	Sản lượng
1	Clinker	Tấn	4.110.000
2	Xi măng	Tấn	5.305.000

c) Về đầu tư xây dựng

Năm 2015 có tổng cộng hơn 50 dự án công trình lớn nhỏ, dự kiến giá trị khối lượng thực hiện khoảng 200 tỷ đồng, nhu cầu vốn để thanh toán khoảng 485 tỷ đồng, trong đó vốn thanh toán cho giá trị khối lượng thực hiện trong các năm trước là 305 tỷ đồng, với mục tiêu cụ thể chủ yếu như sau:

- Hoàn tất Báo cáo quyết toán toàn bộ Dự án Nhà máy xi măng Bình Phước; Dự án Trạm tiếp nhận, nghiền và phân phối xi măng phía Nam, Dự án Dây chuyền xi măng Hà Tiên 2.2, Dự án Nhà máy xi măng Cam Ranh và các dự án, công trình đã đi vào hoạt động;
- Hoàn thành thi công xây dựng và đưa công trình đường BOT nối từ đường Nguyễn Duy Trinh vào Trạm nghiền Phú Hữu;
- Khởi công xây dựng Cảng xuất clinker Kiên Lương;
- Thực hiện việc di dời Phân xưởng sản xuất vỏ bao đến địa điểm mới;
- Khởi công Công trình hệ thống máy đóng bành tại Kiên Lương, Phú Hữu;

- Khởi công Công trình kết nối dây chuyền 1 – dây chuyền 2 Phú Hữu;
- Hoàn thành Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án cải tạo dây chuyền sản xuất clinker số 1 Nhà máy xi măng Kiên Lương;
- Hoàn tất thủ tục và được cấp phép khai thác cho các mỏ/phần mỏ chưa được cấp;
- Tiếp tục hoàn tất thủ tục pháp lý và phương án kinh doanh bất động sản tại các khu đất như 172 Lý Chính Thắng, Văn phòng 21 Công Lý,...

d) Mục tiêu về tài chính:

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2015
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	7.159
2	EBITDA	Tỷ đồng	1.538
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	367
4	EBITDA/Doanh thu thuần	%	22

3. Ông Phạm Đức Trung, Trưởng ban Kiểm soát CTy CP XMHT1, thay mặt BKS:

- Trình bày Báo cáo của Ban Kiểm soát về tình hình tài chính năm 2014 (Chi tiết theo Báo cáo đính kèm Tài liệu họp Đại hội)

4. Ông Phạm Đình Nhật Cường, thay mặt Đoàn Chủ tọa:

- Trình bày Báo cáo thù lao của HĐQT, Ban Kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2014 (Chi tiết theo Báo cáo đính kèm Tài liệu họp Đại hội).
- Trình bày Tờ trình phân phối lợi nhuận 2014

STT	Các chỉ tiêu	Phương pháp tính	Tỷ lệ	Thành tiền
Kết quả hoạt động kinh doanh 2014				
1	Tổng doanh thu thuần.			6.758.087.207.489
2	Lợi nhuận trước thuế.			395.695.834.677
3	Thuế thu nhập Doanh nghiệp phải nộp			90.766.718.283
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	4 = 2-3		304.929.116.394
5	Chênh lệch tỷ giá đánh giá số dư ngoại tệ không được chia cổ tức theo Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài Chính			173.756.233.994
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN được chia cổ tức và phân phối các quỹ	6= 4-5	100,00%	131.172.882.400
7	Chia cổ tức năm 2014		0%	0
8	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		5%	6.558.644.000
9	Quỹ đầu tư phát triển		30%	39.351.865.000
10	Quỹ dự phòng tài chính		10%	13.117.288.000
11	Quỹ khen thưởng & Phúc lợi		20%	26.234.576.000
12	Lợi nhuận giữ lại sau khi phân phối các quỹ	12= 4-(7+8+9+10+11)	35%	219.666.743.394

- Trình bày Tờ trình v/v lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2015:

Hội đồng Quản trị kính trình Đại Hội chấp thuận ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn một Công ty kiểm toán trong danh sách các doanh nghiệp được chấp thuận kiểm toán cho tổ chức niêm yết năm 2015, thực hiện việc kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2015 cho Công ty.

- Tờ trình v/v Kế hoạch mức thù lao của HĐQT, BKS, Thư ký Cty năm 2015.

1- Hội đồng quản trị & Thư ký :

- Chủ tịch Hội đồng quản trị : 6.000.000 đ/tháng
- Phó Chủ Tịch Hội đồng quản trị : 5.000.000 đ/tháng
- Thành viên Hội đồng quản trị : 4.000.000 đ/tháng
- Thư ký Hội đồng quản trị : 3.000.000 đ/tháng

2- Ban kiểm soát :

- Trưởng Ban kiểm soát : 4.000.000 đ/tháng
- Thành viên Ban kiểm soát : 3.000.000 đ/tháng

- Trình bày Tờ trình Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Quyết định phê duyệt, triển khai kế hoạch di dời và đầu tư xây dựng tại Trạm nghiên Thủ Đức:

Đề chủ động trong công tác triển khai kế hoạch di dời và đầu tư xây dựng tại Trạm nghiên Thủ Đức theo thông báo của UBND Tp. HCM và quy định của pháp luật. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét chấp thuận ủy quyền cho Hội đồng quản trị Quyết định, phê duyệt và triển khai:

- 1) Thời gian, kế hoạch, phương án di dời và ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh tại Trạm nghiên Thủ Đức
- 2) Thời gian, kế hoạch và phương án đầu tư xây dựng kinh doanh tại Trạm nghiên Thủ Đức theo quy hoạch xây dựng đô thị phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Ông Phạm Văn Thông, thay mặt Đoàn Chủ tọa:

- Trình bày Tờ trình về việc sửa đổi Điều lệ Tổ chức và hoạt động Cty (Chi tiết theo Tờ trình đính kèm Tài liệu họp Đại hội)

6. Ông Trần Việt Thắng, Chủ tọa Đoàn:

- Giới thiệu danh sách ứng viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2015-2020.

Danh sách đề cử Hội đồng quản trị:

- Ông Trần Việt Thắng
- Ông Nguyễn Ngọc Anh
- Ông Nguyễn Tuấn Anh
- Ông Cái Hồng Thu
- Ông Mai Văn Yên
- Ông Phạm Đình Nhật Cường
- Ông Phạm Văn Thông
- Ông Tô Hải
- Ông Nguyễn Văn Chuyên

Danh sách đề cử Ban Kiểm soát:

- Ông Phạm Đức Trung
- Ông Phạm Thế Nghĩa
- Bà Phùng Thị Tân Thanh
- Bà Nguyễn Thị Tố Nga
- Bà Trần Thị Bích thủy

Đại hội đã biểu quyết thông qua Danh sách ứng cử viên nêu trên với tỷ lệ 100%.

- Giới thiệu Ban Bầu Cử gồm các thành viên:

1. Ông Nguyễn Mạnh Hà	TP.LTTPC	Trưởng ban
2. Ông Đoàn Trần Minh Phương	TP.CNTT	Thành viên
3. Ông Phan Trọng Hiếu	CV P.CNTT	Thành viên
4. Cô Đoàn Thị Hiền Ân		Thành viên

Đại hội đã biểu quyết thông qua Danh sách Ban bầu cử nêu trên với tỷ lệ 100%.

7. Ông Nguyễn Mạnh Hà, thay mặt Ban Bầu cử:

- Trình bày Quy chế và thể lệ bầu cử HĐQT, Ban Kiểm soát (Chi tiết theo Tài liệu họp Đại hội).

Đại hội đã biểu quyết thông qua Quy chế và thể lệ bầu cử nêu trên với tỷ lệ 100%.

Đại hội tiến hành bầu cử Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát bằng Phiếu kín.

Đại hội nghỉ giải lao.

Đại hội tiến hành thảo luận và biểu quyết thông qua các vấn đề

- Có 02 ý kiến đề xuất của cổ đông: Đề nghị tăng thêm tỷ lệ phân chia cho Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi trong tờ trình phân phối lợi nhuận 2014; Đề nghị nâng mức thù lao cho HĐQT và Ban kiểm soát năm 2015.
- Đoàn Chủ tọa đã trả lời: Để đảm bảo phát triển bền vững Cty xin được dành phần lớn lợi nhuận năm 2014 cho đầu tư phát triển; Riêng về thù lao cho HĐQT và BKS do Cty còn khó khăn nên năm 2015 vẫn đề nghị như năm 2014.

Đại hội thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2014: có 55 cổ đông đồng ý, tương ứng với 277.149.735 cổ phần, đạt tỷ lệ 100% cổ phần tham dự.

Đại hội thông qua Báo cáo hoạt động SX, KD, ĐT năm 2014; Kế hoạch SXKD, Ngân sách hoạt động và đầu tư 2015; Ủy quyền cho HĐQT quyết định phương án đầu tư, chia cổ tức dựa trên kết quả kinh doanh năm 2015 của Cty: có 55 cổ đông đồng ý, tương ứng với 277.149.735 cổ phần, đạt tỷ lệ 100% cổ phần tham dự.

Đại hội thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về tình hình tài chính năm 2014: có 55 cổ đông đồng ý, tương ứng với 277.149.735 cổ phần, đạt tỷ lệ 100% cổ phần tham dự.

Đại hội thông qua Báo cáo thù lao HĐQT, BKS và Thụ ký Cty năm 2014: có 55 cổ đông đồng ý, tương ứng với 277.149.735 cổ phần, đạt tỷ lệ 100% cổ phần tham dự.

Đại hội thông qua Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2014: có 55 cổ đông đồng ý, tương ứng với 277.149.735 cổ phần, đạt tỷ lệ 100% cổ phần tham dự.

Đại hội thông qua Tờ trình Lựa chọn Cty kiểm toán năm 2015 : có 55 cổ đông đồng ý, tương ứng với 277.149.735 cổ phần, đạt tỷ lệ 100% cổ phần tham dự.

Đại hội thông qua Tờ trình Kế hoạch mức thù lao HĐQT, BKS và Thụ ký Công ty năm 2015: có 55 cổ đông đồng ý, tương ứng với 277.149.735 cổ phần, đạt tỷ lệ 100% cổ phần tham dự.

Đại hội thông qua Tờ trình về việc sửa đổi Điều lệ Tổ chức và hoạt động Cty: có 55 cổ đông đồng ý, tương ứng với 277.149.735 cổ phần, đạt tỷ lệ 100% cổ phần tham dự.

Đại hội thông qua việc Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Quyết định phê duyệt, triển khai kế hoạch di dời và đầu tư xây dựng tại Trạm nghiên Thủ Đức: có 55 cổ đông đồng ý, tương ứng với 277.149.735 cổ phần, đạt tỷ lệ 100% cổ phần tham dự.

8. Ông Nguyễn Mạnh Hà, thay mặt Ban Bầu cử công bố kết quả bầu cử Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ 2015 - 2020:

Danh sách trúng cử Hội đồng quản trị (gồm 09 thành viên):

STT	Họ và tên	Tổng số phiếu bầu	Tỷ lệ
01	Ông Trần Việt Thắng	384.957.005	138,90%
02	Ông Nguyễn Tuấn Anh	335.032.482	120,89%
03	Ông Nguyễn Ngọc Anh	301.142.928	108,66%
04	Ông Cái Hồng Thu	282.381.615	101,89%
05	Ông Phạm Văn Thông	254.450.133	91,81%
06	Ông Phạm Đình Nhật Cường	248.734.417	89,75%
07	Ông Mai Văn Yên	253.396.428	91,43%
08	Ông Nguyễn Văn Chuyên	228.038.496	82,28%
09	Ông Tô Hải	205.088.681	74,00%

Danh sách trúng cử Ban Kiểm soát (gồm 05 thành viên):

STT	Họ và tên	Tổng số phiếu bầu	Tỷ lệ
01	Ông Phạm Đức Trung	349.683.598	126,18%
02	Ông Phạm Thế Nghĩa	293.043.035	105,74%
03	Bà Trần Thị Bích Thủy	253.263.490	91,39%
04	Bà Nguyễn Thị Tố Nga	262.262.011	94,64%
05	Bà Phùng Thị Tân Thanh	226.297.165	81,66%

Đại hội đã biểu quyết thông qua Danh sách HĐQT và Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ 2015 – 2020 nêu trên: có 55 cổ đông đồng ý, tương ứng với 277.149.735 cổ phần, đạt tỷ lệ 100% cổ phần tham dự.

9. Ông Võ Văn Vân, thay mặt Ban thư ký:

Trình bày Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015.

Đại hội biểu quyết thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2015: có 55 cổ đông đồng ý, tương ứng với 277.149.735 cổ phần, đạt tỷ lệ 100% cổ phần tham dự.

10. Ông Trần Việt Thắng, Chủ tọa Đoàn:

Trình bày Lời đáp và định hướng phát triển của CTy.

11. Ông Võ Văn Vân, thay mặt Ban tổ chức tuyên bố bế mạc Đại hội.

Đại hội bế mạc vào lúc 11 giờ 30 cùng ngày

TM. BAN THƯ KÝ ĐẠI HỘI



VÕ VĂN VÂN



TRẦN VIỆT THẮNG

Cam Ranh, ngày 23/04/2015

TỜ TRÌNH

V/v Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2015**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015;
- Căn cứ Điều lệ và tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1;
- Xét tình hình tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1,

Căn cứ theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015 và xét tình hình tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1 kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 xem xét chấp thuận thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1 như sau:

Sửa đổi, bổ sung Điều lệ như sau:

STT	NỘI DUNG HIỆN TẠI	NỘI DUNG THAY ĐỔI	NỘI DUNG SAU KHI ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG
1	Điều 1. Định nghĩa Tại mục 1.2 khoản 1 quy định: “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005”	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.	Điều 1. Định nghĩa Tại mục 1.2 khoản 1 quy định: “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7

			năm 2015”
	<p>Điều 1. Định nghĩa</p> <p>Tại mục 1.7 và 1.8 khoản 1 quy định:</p> <p>1.7. "Cán bộ quản lý chủ chốt" có nghĩa là Tổng giám đốc, Trưởng Ban quản lý dự án, Phó Tổng giám đốc Công ty, Kế toán trưởng (hoặc Trưởng phòng Kế toán), Giám đốc Nhà máy, Trạm, Xí nghiệp trực thuộc Công ty và các vị trí quản lý khác trong Công ty do Chủ tịch Hội đồng quản trị bổ nhiệm.</p> <p>1.8. "Cán bộ quản lý" có nghĩa là các chức danh công việc khác trong Công ty do Tổng giám đốc Công ty bổ nhiệm.</p>	<p>Điều chỉnh theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.</p>	<p>Điều 1. Định nghĩa</p> <p>Tại mục 1.7 và 1.8 khoản 1 quy định:</p> <p>1.7. Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý công ty bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ công ty.</p>
	<p>Điều 1. Định nghĩa</p> <p>Tại mục 1.10 khoản 1 quy định:</p> <p>"Cổ đông" có nghĩa là mọi thể nhân hay pháp nhân được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu cổ phiếu</p>	<p>Điều chỉnh theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.</p>	<p>Điều 1. Định nghĩa</p> <p>Tại mục 1.10 khoản 1 quy định:</p> <p>"Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty</p>
2	<p>Điều 2. Quan hệ giữa Công ty với Tổng công ty Công nghiệp xi măng Việt nam</p> <p>Tại khoản 3 quy định:</p> <p>“Tổng công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam thông qua Người đại diện quản lý phần vốn Nhà nước tại Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ như quy định tại Điều 58</p>		<p>Điều 2. Quan hệ giữa Công ty với Tổng công ty Công nghiệp xi măng Việt nam</p> <p>Tại khoản 3 quy định:</p> <p>“Tổng công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam thông qua Người đại diện quản lý phần vốn Nhà nước tại Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp</p>

	Luật Doanh nghiệp Nhà nước”		luật”
3	<p>Điều 12. Quyền hạn của cổ đông Công ty</p> <p>Tại mục 2.8 khoản 2 quy định:</p> <p>“Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 90.1 của Luật Doanh nghiệp”</p>	<p>Điều chỉnh theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.</p>	<p>Điều 12. Quyền hạn của cổ đông Công ty</p> <p>Tại mục 2.8 khoản 2 quy định:</p> <p>“Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 của Luật Doanh nghiệp”</p>
	<p>Điều 12. Quyền hạn của cổ đông Công ty</p> <p>Tại điểm 2.9.5 mục 2.9 khoản 2 quy định:</p> <p>“Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này”</p>	<p>Điều chỉnh theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.</p>	<p>Điều 12. Quyền hạn của cổ đông Công ty</p> <p>Tại điểm 2.9.5 mục 2.9 khoản 2 quy định:</p> <p>“Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật”</p>
4	<p>Điều 13. Nghĩa vụ của các cổ đông</p> <p>Tại khoản 6 quy định:</p> <p>Cổ đông là nhà đầu tư chiến lược không được chuyển nhượng số cổ phần đã được mua với giá ưu đãi trong vòng 03 năm kể từ ngày thành lập Công ty. Trường hợp cần chuyển nhượng trước thời hạn phải được HĐQT Công ty chấp thuận</p>		<p>Điều 13. Nghĩa vụ của các cổ đông</p> <p>Bỏ khoản 6</p>
5	<p>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Tại khoản 2 quy định:</p> <p>“HĐQT tổ chức triệu tập</p>	<p>Điều chỉnh theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa</p>	<p>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Tại khoản 2 quy định:</p> <p>“HĐQT tổ chức triệu tập</p>

<p>hợp ĐHCĐ thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. ĐHCĐ thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm”</p>	<p>Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.</p>	<p>hợp ĐHCĐ thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. ĐHCĐ thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm”</p>
<p>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Tại mục 3.5 khoản 3 quy định:</p> <p>“Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên HĐQT hoặc Cán bộ quản lý vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 của Luật Doanh nghiệp hoặc HĐQT hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình”</p>	<p>Điều chỉnh theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.</p>	<p>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Tại mục 3.5 khoản 3 quy định:</p> <p>“Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên HĐQT hoặc Người quản lý công ty vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 của Luật Doanh nghiệp hoặc HĐQT hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình”</p>
<p>Điều 14. Đại hội đồng cổ</p>	<p>Điều chỉnh theo Luật</p>	<p>Điều 14. Đại hội đồng cổ</p>

	<p>đông</p> <p>Tại mục 4.2 khoản 4 quy định:</p> <p>“Trường hợp HĐQT không triệu tập cuộc họp nêu trên theo quy định tại mục 4.1 Điều này, thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo Ban kiểm soát sẽ phải thay thế HĐQT để triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp”</p>	<p>Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.</p>	<p>đông</p> <p>Tại mục 4.2 khoản 4 quy định:</p> <p>“Trường hợp HĐQT không triệu tập cuộc họp nêu trên theo quy định tại mục 4.1 Điều này, thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo Ban kiểm soát sẽ phải thay thế HĐQT để triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp”</p>
	<p>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Tại mục 4.3 khoản 4 quy định:</p> <p>“Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp theo quy định tại mục 4.2 Điều này, thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo những cổ đông hoặc một nhóm cổ đông có yêu cầu nêu tại mục 3.4 Điều này có thể triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp ĐHĐCĐ có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết”</p>	<p>Điều chỉnh theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.</p>	<p>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Tại mục 4.3 khoản 4 quy định:</p> <p>“Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp theo quy định tại mục 4.2 Điều này, thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo những cổ đông hoặc một nhóm cổ đông có yêu cầu nêu tại mục 3.4 Điều này có thể triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp ĐHĐCĐ có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết”</p>
6	<p>Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Tại khoản 1 quy định:</p> <p>“ĐHĐCĐ thường niên có quyền thảo luận và thông</p>	<p>Điều chỉnh theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ</p>	<p>Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Tại khoản 1 quy định:</p> <p>“ĐHĐCĐ thường niên có quyền thảo luận và thông</p>

<p>qua các vấn đề sau:</p> <p>1.1.Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm.</p> <p>1.2.Báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình Công ty.</p> <p>1.3.Báo cáo của HĐQT.</p> <p>1.4.Báo cáo kết quả kiểm toán.</p> <p>1.5.Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn.”</p>	<p>họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.</p>	<p>qua các vấn đề sau:</p> <p>a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;</p> <p>b) Báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;</p> <p>e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;</p> <p>f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.”</p>
<p>Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Tại mục 2.16 khoản 2 quy định:</p> <p>“Ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất”</p>	<p>Điều chỉnh theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.</p>	<p>Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Tại mục 2.16 khoản 2 quy định:</p> <p>“Ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 162.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty”</p>
<p>Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Tại mục 2.17 khoản 2 quy định:</p> <p>“Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty”</p>	<p>Điều chỉnh theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và có hiệu lực thi</p>	<p>Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Tại mục 2.17 khoản 2 quy định:</p> <p>“Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy chế khác của</p>

		hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.	Công ty”
	<p>Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo</p> <p>Tại mục 2.1 khoản 2:</p> <p>“Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ trong vòng 30 ngày trước ngày bắt đầu tiến hành họp ĐHĐCĐ; Chuẩn bị chương trình họp và các tài liệu theo quy định phù hợp với pháp luật và các quy định của Công ty”</p>	<p>Điều chỉnh theo Điều lệ mẫu Ban hành kèm theo Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.</p>	<p>Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo</p> <p>Tại mục 2.1 khoản 2:</p> <p>“Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; Chuẩn bị chương trình họp và các tài liệu theo quy định phù hợp với pháp luật và các quy định của Công ty”</p>
7	<p>Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo</p> <p>Bổ sung mục 2.4 và 2.5 khoản 2</p>	<p>Điều chỉnh theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.</p>	<p>Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo</p> <p>Bổ sung mục 2.4 và 2.5 khoản 2 như sau:</p> <p>2.4. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;</p> <p>2.5. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</p>
	<p>Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo</p> <p>Tại mục 3.2 khoản 3 quy định:</p> <p>“Danh sách cổ đông có quyền dự họp phải ghi rõ :</p>	<p>Điều chỉnh theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua</p>	<p>Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo</p> <p>Tại mục 3.2 khoản 3 quy định:</p> <p>“Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng</p>

<p>Họ tên, địa chỉ nơi thường trú (đối với cá nhân), tên trụ sở (đối với pháp nhân) và số lượng cổ phần của từng cổ đông”</p>	<p>ngày 26 tháng 11 năm 2014 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.</p>	<p>cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông”</p>
<p>Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo</p> <p>Tại mục 3.4 khoản 3 quy định:</p> <p>“Cổ đông có quyền yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp”</p>	<p>Điều chỉnh theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.</p>	<p>Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo</p> <p>Tại mục 3.4 khoản 3 quy định:</p> <p>“Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin số đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin số đăng ký cổ đông theo yêu cầu”</p>

	<p>Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo</p> <p>Tại khoản 8 quy định:</p> <p>“Tại kỳ họp, nếu có 100% số cổ đông có quyền biểu quyết hiện diện trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại ĐHĐCĐ thì những nghị quyết được đại hội nhất trí thông qua đều là hợp lệ ngay cả khi ĐHĐCĐ không được triệu tập một cách phù hợp hoặc nội dung họp không được đưa vào chương trình một cách hợp lý”</p>	<p>Điều chỉnh theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.</p>	<p>Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo</p> <p>Tại khoản 8 quy định:</p> <p>“Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định”</p>
8	<p>Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Tại khoản 4 quy định:</p> <p>Theo đề nghị, Chủ tọa ĐHĐCĐ có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 18.4 của Điều lệ này.</p>	<p>Điều chỉnh theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.</p>	<p>Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Tại khoản 4 quy định:</p> <p>Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 18 của Điều lệ này.</p>
9	<p>Điều 21. Thông qua các quyết định tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Tại mục 1.3 khoản 1 quy định:</p> <p>“Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành”</p>	<p>Điều chỉnh theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.</p>	<p>Điều 21. Thông qua các quyết định tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Tại mục 1.3 khoản 1 quy định:</p> <p>“Báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành”</p> <p>Bổ sung mục 1.4 khoản 1 như sau:</p> <p>“Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung</p>

			<p>Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ chấp thuận”</p> <p>Bổ sung mục 1.5 khoản 1 như sau:</p> <p>“Các nghị quyết khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông”</p>
	<p>Điều 21. Thông qua các quyết định tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Tại khoản 2 quy định:</p> <p>“Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu</p>	<p>Điều chỉnh theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.</p>	<p>Điều 21. Thông qua các quyết định tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Tại khoản 2 quy định:</p> <p>“Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử</p>

	<p>bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 75% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản)”</p>		<p>thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế (thể lệ) bầu cử”</p>
10	<p>Điều 22. Phê chuẩn các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua hình thức gửi văn bản</p> <p>Tại mục 2.15 khoản 2 quy định:</p> <p>“Ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất”</p>	<p>Điều chỉnh theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.</p>	<p>Điều 22. Phê chuẩn các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua hình thức gửi văn bản</p> <p>Tại mục 2.15 khoản 2 quy định:</p> <p>“Ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 162.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty”</p>
	<p>Điều 22. Phê chuẩn các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua hình thức gửi văn bản</p> <p>Tại khoản 8 quy định:</p> <p>“Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít</p>	<p>Điều chỉnh theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và có hiệu lực thi</p>	<p>Điều 22. Phê chuẩn các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua hình thức gửi văn bản</p> <p>Tại khoản 8 quy định:</p> <p>“Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít</p>

	nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông”	hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.	nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông”
11	<p>Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Quy định:</p> <p>“Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông, thành viên HĐQT, TGD, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. 2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty. <p>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục</p>	Điều chỉnh theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.	<p>Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Quy định:</p> <p>“Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại mục 2.9 khoản 2 Điều 12 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp. 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty. <p>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội</p>

	quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.”		đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.”
12	Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT Bổ sung mục 2.3 khoản 2	Điều chỉnh theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.	Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT Bổ sung mục 2.3 khoản 2: “Theo điểm (d) khoản 1 Điều 151 Luật Doanh nghiệp”
	Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT Tai mục 4.4 khoản 4: “Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng 6 tháng mà không có sự cho phép của HĐQT và HĐQT đã quyết nghị rằng chức vụ của người này bị bỏ trống”	Điều chỉnh theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.	Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT Tai mục 4.4 khoản 4: “Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng 6 tháng mà không có sự cho phép của HĐQT và HĐQT đã quyết nghị rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng ”
	Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT Tai mục 4.5 khoản 4: “Thành viên đó bị cách chức thành viên HĐQT theo nghị quyết của ĐHĐCĐ”	Điều chỉnh theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm	Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT Tai mục 4.5 khoản 4: “Thành viên đó Có đơn từ chức hoặc bị cách chức thành viên HĐQT theo nghị quyết của ĐHĐCĐ”

		2014 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.	
	Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT Bổ sung mục 3.11 khoản 3	Điều chỉnh theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.	Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT Quy định mục 3.11 khoản 3 ”Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế quản lý Công ty”
13	Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT Tại mục 4.3 khoản 4 “Trong phạm vi quy định tại Điều 108.2 của Luật Doanh nghiệp, HĐQT quyết định, tùy từng thời điểm, việc ký kết, thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tó m công ty và liên doanh của Công ty trừ trường hợp được quy định tại Điều 120.3 của Luật Doanh nghiệp phải do ĐHCĐ phê chuẩn”	Điều chỉnh theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.	Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT Tại mục 4.3 khoản 4 “Trong phạm vi quy định tại Điều 149.2 của Luật Doanh nghiệp, HĐQT quyết định, tùy từng thời điểm, việc ký kết, thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tó m công ty và liên doanh của Công ty trừ trường hợp được quy định tại Điều 162.3 của Luật Doanh nghiệp phải do ĐHCĐ phê chuẩn”
14	Điều 27. Chủ tịch và thành viên HĐQT Tại khoản 1 “HĐQT phải lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một Chủ tịch và một Phó chủ tịch. Trừ khi ĐHCĐ quyết định khác, Chủ tịch HĐQT sẽ không kiêm chức TGD Công ty. Nếu các cổ đông chấp thuận	Điều chỉnh theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.	Điều 27. Chủ tịch và thành viên HĐQT Tại khoản 1 “HĐQT phải lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một Chủ tịch và một Phó chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc”

	rằng Chủ tịch có thể đồng thời là TGD, quyết định này cần phải được khẳng định lại hàng năm vào kỳ ĐHCĐ thường niên”		
15	Điều 28. Các cuộc họp của HĐQT Tại mục 3.2 khoản 3 “Hai thành viên HĐQT”	Điều chỉnh theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.	Điều 28. Các cuộc họp của HĐQT Tại mục 3.2 khoản 3 “Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên điều hành của Hội đồng quản trị”
	Điều 28. Các cuộc họp của HĐQT Tại mục 3.5 khoản 3 “Đa số thành viên trong Ban kiểm soát”	Điều chỉnh theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.	Điều 28. Các cuộc họp của HĐQT Tại mục 3.5 khoản 3 “Đa số thành viên trong Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập”
	Điều 28. Các cuộc họp của HĐQT Tại khoản 4 “Cuộc họp HĐQT nêu tại khoản 3 Điều 28 phải được tiến hành trong vòng mười lăm (15) ngày sau khi đề xuất họp. Nếu Chủ tịch HĐQT không chấp nhận triệu tập cuộc họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty, những người mong muốn tổ	Điều chỉnh theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.	Điều 28. Các cuộc họp của HĐQT Tại khoản 4 “Cuộc họp HĐQT nêu tại khoản 3 Điều 28 phải được tiến hành trong vòng bảy ngày (07) ngày sau khi đề xuất họp. Nếu Chủ tịch HĐQT không chấp nhận triệu tập cuộc họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty, những người mong muốn tổ

	<p>chức cuộc họp được đề cập đến ở Điều 28 khoản 3 nêu trên có thể tự mình triệu tập họp HĐQT”</p>		<p>chức cuộc họp được đề cập đến ở Điều 28 khoản 3 nêu trên có thể tự mình triệu tập họp HĐQT”</p>
	<p>Điều 28. Các cuộc họp của HĐQT</p> <p>Tại khoản 8</p> <p>“Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp”</p>	<p>Điều chỉnh theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.</p>	<p>Điều 28. Các cuộc họp của HĐQT</p> <p>Tại khoản 8</p> <p>“Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy ngày (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp”</p>
	<p>Điều 28. Các cuộc họp của HĐQT</p> <p>Tại khoản 15</p> <p>“Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải</p>	<p>Điều chỉnh theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.</p>	<p>Điều 28. Các cuộc họp của HĐQT</p> <p>Tại khoản 15</p> <p>“Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt</p>

	<p>có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.”</p>		<p>và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp. Quy định khác về Biên bản họp Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 154 Luật Doanh nghiệp”</p>
16	<p>Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc</p> <p>Tại khoản 2 quy định:</p> <p>“Nhiệm kỳ: nhiệm kỳ của TGD là ba (03) năm trừ khi HĐQT có quy định khác. Việc tái bổ nhiệm được phép thực hiện. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. TGD không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức Nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản”</p>	<p>Điều chỉnh theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.</p>	<p>Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc</p> <p>Tại khoản 2 quy định:</p> <p>“Nhiệm kỳ: nhiệm kỳ của TGD là năm (05) năm trừ khi HĐQT có quy định khác. Việc tái bổ nhiệm được phép thực hiện. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc áp dụng theo quy định tại Điều 65 của Luật Doanh nghiệp”</p>
	<p>Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc</p>	<p>Điều chỉnh theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được</p>	<p>Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc</p>

	<p>Bổ sung mục 3.15 khoản 3 quy định:</p> <p>Chưa có</p>	<p>Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.</p>	<p>Bổ sung mục 3.15 khoản 3 quy định:</p> <p>“Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị.”</p>
17	<p>Điều 36. Thành viên Ban kiểm soát</p> <p>Tại khoản 1 quy định:</p> <p>Ban kiểm soát gồm 05 thành viên, trong đó có một thành viên có chuyên môn về kế toán và các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban kiểm soát phải bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát. Trưởng Ban kiểm soát có quyền và trách nhiệm sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1.1. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng Ban kiểm soát. 1.2. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của 	<p>Điều chỉnh theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.</p>	<p>Điều 36. Thành viên Ban kiểm soát</p> <p>Tại khoản 1 quy định:</p> <p>Ban kiểm soát gồm 05 thành viên, các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng Ban kiểm soát có quyền và trách nhiệm sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1.1. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng Ban kiểm soát. 1.2. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát và

<p>Ban kiểm soát và để thực hiện trách nhiệm của Ban kiểm soát.</p> <p>1.3. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình lên ĐHĐCĐ</p>		<p>để thực hiện trách nhiệm của Ban kiểm soát.</p> <p>1.3. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình lên ĐHĐCĐ</p>
<p>Điều 36. Thành viên Ban kiểm soát</p> <p>Tại khoản 2 quy định:</p> <p>Tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát:</p> <p>2.1. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.</p> <p>2.2. Là cá nhân có trình độ chuyên môn, khả năng, kinh nghiệm quản lý, kinh doanh trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.</p> <p>2.3. Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý Công ty.</p> <p>2.4. Được cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng từ 06 tháng</p>	<p>Điều chỉnh theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.</p>	<p>Điều 36. Thành viên Ban kiểm soát</p> <p>Tại khoản 2 quy định:</p> <p>Tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát:</p> <p>2.1. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.</p> <p>2.2. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác.</p> <p>2.3. Là cá nhân có trình độ chuyên môn, khả năng, kinh nghiệm quản lý, kinh doanh trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.</p>

<p>liên tục trở lên đề cử.</p>		<p>2.4. Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý Công ty.</p> <p>2.5. Được cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng từ 06 tháng liên tục trở lên đề cử.</p> <p>2.6. Kiểm soát viên công ty cổ phần niêm yết, công ty do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.</p>
<p>Điều 36. Thành viên Ban kiểm soát</p> <p>Tại khoản 5 quy định:</p> <p>Một thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:</p> <p>5.1. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>5.2. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công ty;</p> <p>5.3. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban</p>	<p>Điều chỉnh theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.</p>	<p>Điều 36. Thành viên Ban kiểm soát</p> <p>Tại khoản 5 quy định:</p> <p>Một thành viên Ban kiểm soát bị Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp sau:</p> <p>5.1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Điều lệ này.</p> <p>5.2. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>5.3. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo</p>

	<p>kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;</p> <p>5.4. Thành viên đó vắng mặt liên tục trong vòng 06 tháng không tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng vị trí của người đó bị bỏ trống.</p> <p>5.5. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của ĐHĐCĐ.</p>		<p>được gửi đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận;</p> <p>5.4. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;</p> <p>5.5. Thành viên đó vắng mặt liên tục trong vòng 06 tháng không tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng vị trí của người đó bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng.</p> <p>5.6. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của ĐHĐCĐ.</p> <p>5.7. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công.</p> <p>5.8. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của</p>
--	--	--	--

			<p>Kiểm soát viên quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>5.9. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>
18	<p>Điều 37. Ban kiểm soát</p> <p>Tại khoản 1 quy định:</p> <p>Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, gồm những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:</p> <p>1.1. Được HĐQT tham khảo ý kiến về việc chỉ định công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm công ty kiểm toán độc lập.</p> <p>1.2. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán.</p> <p>1.3. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc</p>	<p>Điều chỉnh theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.</p>	<p>Điều 37. Ban kiểm soát</p> <p>Tại khoản 1 quy định:</p> <p>Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, gồm những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:</p> <p>1.1. Được HĐQT tham khảo ý kiến về việc chỉ định công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm công ty kiểm toán độc lập.</p> <p>1.2. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán.</p> <p>1.3. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công</p>

	<p>của Công ty nếu thấy cần thiết.</p> <p>1.4. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình HĐQT.</p> <p>1.5. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập đề nghị.</p> <p>1.6. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban quản lý Công ty.</p> <p>1.7. Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi HĐQT chấp thuận, kết luận và báo cáo trước ĐHĐCĐ.</p> <p>1.8. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Ban quản lý, Cán bộ quản lý.</p>		<p>việc của Công ty nếu thấy cần thiết.</p> <p>1.4. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình HĐQT.</p> <p>1.5. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập đề nghị.</p> <p>1.6. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban quản lý Công ty.</p> <p>1.7. Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi HĐQT chấp thuận, kết luận và báo cáo trước ĐHĐCĐ.</p> <p>1.8. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Ban quản lý, Cán bộ quản lý.</p> <p>1.9. Các Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.</p>
19	Điều 47. Công bố thông tin và thông báo ra công	Điều chỉnh theo Luật Doanh nghiệp số	Điều 47. Công bố thông tin và thông báo ra công

	<p>chúng</p> <p>Quy định:</p> <p>“Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp”</p>	<p>68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.</p>	<p>chúng</p> <p>Quy định:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Công ty cổ phần phải gửi báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật về kế toán và pháp luật có liên quan. 2. Công ty cổ phần công bố trên trang thông tin điện tử các thông tin sau đây: <ol style="list-style-type: none"> a) Điều lệ công ty; b) Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc công ty; c) Báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua; d) Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hàng năm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. 3. Công ty thực hiện công bố, công khai thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Công ty cổ phần mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ công bố, công khai thông tin theo quy định tại Điều 108 và Điều 109 của Luật Doanh nghiệp.
--	---	---	--

20	<p>Điều 53. Thanh lý</p> <p>Tại mục 3.2 khoản 3 quy định:</p> <p>“Tiền lương, các khoản phụ cấp và chi phí bảo hiểm xã hội cho công nhân viên theo quy định của pháp luật”</p>	<p>Điều chỉnh theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.</p>	<p>Điều 53. Thanh lý</p> <p>Tại mục 3.2 khoản 3 quy định:</p> <p>“Tiền lương, các khoản phụ cấp và chi phí bảo hiểm xã hội cho công nhân viên theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết”</p>
----	---	--	--

Hội đồng quản trị kính trình trước Đại hội đồng cổ đông xem xét chấp thuận thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1 nêu trên.

Nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1 nêu trên sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2015 căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015

Trân trọng kính trình./.

